

VN-Index tăng 0,4%

Ngày báo cáo 1/7/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
 +8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng 0,4%

VN-Index tăng 0,4% (+7,2 điểm) trong ngày thứ Tư, chốt phiên tại 1.867,2 điểm. Nhóm Ngân hàng là động lực chính dẫn dắt đà tăng điểm của ngày hôm nay, bù đắp cho mức giảm từ các cổ phiếu thuộc Vingroup. Toàn sàn ghi nhận 200 mã tăng, 122 mã giảm và 58 mã đi ngang. Thanh khoản giảm so với phiên trước, đạt 17,2 nghìn tỷ đồng.

- Các cổ phiếu Ngân hàng bứt phá mạnh mẽ, bao gồm VCB (+1,3%), BID (+1,5%), CTG (+1,3%), TCB (+2,4%), VPB (+2,6%), MBB (+2,2%) và HDB (+2,9%).
- Các cổ phiếu liên quan đến họ Vingroup gồm VIC (-1,3%), VHM (-2,0%), VRE (-0,7%) và VPL (-1,8%) đều ghi nhận giảm điểm.
- Nhóm Dịch vụ Tài chính giao dịch khởi sắc với nhiều mã ghi nhận mức tăng điểm tốt, bao gồm TCX (+1,0%), SSI (+1,7%), VPX (+1,0%), VIX (+1,2%), HCM (+3,3%) và VCI (+2,3%).
- Các mã tăng đáng chú ý ở các nhóm ngành khác bao gồm các đại diện nhóm Hàng Tiêu dùng MCH (+5,0%), MWG (+2,4%) và HVN (+2,1%), doanh nghiệp Công nghệ FPT (+3,8%), các công ty Dầu khí BSR (+5,4%) và PVD (+2,0%), cùng nhà sản xuất cao su GVR (+1,1%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1867,2	313,2	129,6
% Δ	0,4%	0,0%	-0,3%
- % Δ 1 tuần	-0,6%	-1,6%	1,7%
- % YTD	4,6%	25,0%	7,3%
- % YOY	35,5%	37,1%	28,6%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$655,0	\$30,5	\$23,5
- TB 1 tháng (triệu)	\$699,7	\$35,2	\$18,5
- TB 1 năm (triệu)	\$1.140,4	\$78,4	\$31,0
- TB QTD	\$655,0	\$30,5	\$23,5
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-22,4%	-31,7%	16,8%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$59,6	\$0,6	\$0,5
- Bán (triệu)	\$47,1	\$1,7	\$7,0
- GT ròng (triệu)	\$12,5	-\$1,0	-\$6,5
Độ rộng TT			
Mã tăng	207	68	129
Mã giảm	122	58	125
Không đổi	96	176	601
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	335,8	18,7	50,8
P/E trượt 12T	13,8	11,8	16,4
LS cổ tức*	2,5%	5,2%	3,5%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	2.014,0	33.722	983,4
VN30F2M	2.011,5	773	3,0
VN30F1Q	2.013,3	636	0,6
VN30F2Q	2.014,5	837	1,4
VN100F1M	1.941,8	34	0,1
VN100F2M	1.940,0	4	0,0
VN100F1Q	1.928,8	14	-
VN100F2Q	1.932,2	7	-
USD/VND		26.310	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Chính phủ gia hạn các chính sách hỗ trợ thuế xăng dầu đến hết tháng 9/2026
- Số lượng đơn hàng mới cải thiện nhờ nhu cầu của khách hàng phục hồi
- PC1: CII và công ty liên quan nâng tỷ lệ sở hữu tại PC1 lên 9%
- VGC: Thuế chống bán phá giá chính thức đối với kính nổi không màu được ấn định cao hơn một chút so với mức thuế tạm thời
- VHM: Tiềm năng tham gia các dự án đường sắt quy mô lớn theo hình thức EPC/BCC; hiện chưa được phản ánh trong báo cáo cập nhật gần nhất của chúng tôi
- VTP công bố ngày 14/07/2026 là ngày giao dịch không hưởng quyền cho đợt chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2025 với tỷ lệ 17,36%
- TV2: Tình hình quản trị ổn định trở lại, triển vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh trong 3 năm tới
- Báo cáo ĐHCĐ

Báo cáo trong ngày

- SZC: Doanh số cho thuê đất hồi phục, phương thức ghi nhận trở lại bình thường hỗ trợ lợi nhuận 2027 - Cập nhật

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, VN-Index duy trì tín hiệu tăng với khả năng tiếp tục hướng lên vùng 1.900-1.930 điểm trong thời gian tới. Hỗ trợ gần trong phiên 02/07 nằm quanh vùng 1.860 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Chính phủ gia hạn các chính sách hỗ trợ thuế xăng dầu đến hết tháng 9/2026

* Vào ngày 30/06/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 34/2026/NQ-CP về việc gia hạn các biện pháp hỗ trợ thuế tạm thời đối với các sản phẩm xăng dầu, nguyên liệu sản xuất xăng dầu và nhiên liệu bay đến hết ngày 30/09/2026, thay vì kết thúc vào ngày 30/06 như trước đó. Quyết định gia hạn này bao gồm thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế nhập khẩu ưu đãi, với mức thuế tiếp tục được duy trì ở mức 0% đến hết ngày 30/09/2026. Tuy nhiên, thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) không còn nằm trong diện được gia hạn và thay vào đó sẽ áp dụng theo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt mới, có hiệu lực từ ngày 01/07/2026, với các mức thuế suất được ấn định là 10% đối với xăng, 8% đối với xăng E5 và 7% đối với xăng E10.

* Việc gia hạn này cho thấy Chính phủ tiếp tục cam kết ổn định giá xăng dầu trong nước, ngay cả khi căng thẳng địa chính trị đã có dấu hiệu hạ nhiệt. Chính phủ ước tính rằng việc kéo dài thời gian áp dụng thuế nhập khẩu ưu đãi, giảm thuế bảo vệ môi trường và tiếp tục miễn/giảm thuế GTGT đến hết tháng 9 có thể làm giảm doanh thu ngân sách Nhà nước khoảng 15,4 nghìn tỷ đồng. Nếu tính cả các khoản chi từ Quỹ bình ổn giá xăng dầu, chúng tôi ước tính Chính phủ đã dành khoảng 54,4 nghìn tỷ đồng cho các biện pháp hỗ trợ giá xăng dầu trong nước kể từ đầu năm đến nay.

Số lượng đơn hàng mới cải thiện nhờ nhu cầu của khách hàng phục hồi

* Trong tháng 6, chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global đã giảm xuống mức 51,8 từ mức 52,8 trong tháng 5, nhưng vẫn duy trì trên ngưỡng 50,0 điểm nhờ vào đà tăng trưởng liên tục của các đơn hàng mới và áp lực lạm phát hạ nhiệt.

* Sản lượng ngành sản xuất ghi nhận tháng tăng thứ 14 liên tiếp, với tốc độ tăng là mạnh nhất kể từ tháng 2. Đà tăng trưởng này được ghi nhận nhờ số lượng đơn hàng mới tăng tháng thứ 2 liên tiếp, qua đó cho thấy nhu cầu của khách hàng đang cải thiện mạnh. Điều này cũng khuyến khích các nhà sản xuất đẩy mạnh hoạt động mua hàng trong tháng thứ 2 liên tiếp. Trong khi đó, áp lực lạm phát tiếp tục hạ nhiệt và tâm lý kinh doanh đã cải thiện lên mức cao nhất trong 4 tháng vừa qua.

* Kết quả khảo sát mới nhất cho thấy tăng trưởng ngành sản xuất đang được thúc đẩy bởi nhu cầu thực chất từ khách hàng, thay vì xu hướng tích trữ mang tính phòng ngừa rủi ro như đã ghi nhận trong tháng 5. Diễn biến này cho thấy quá trình phục hồi bền vững hơn của ngành sản xuất tại Việt Nam, đồng thời mang lại triển vọng tích cực hơn cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu trong những tháng tới.

PC1: CII và công ty liên quan nâng tỷ lệ sở hữu tại PC1 lên 9%

* Trong hai ngày 29 và 30/06/2026, CII và Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII đã nâng tỷ lệ sở hữu tại PC1 lên lần lượt 5,11%/3,85%, từ mức 4,22%/1,79% trước đó tính đến ngày 04/06. Theo đó, nhóm công ty liên quan đến CII hiện sở hữu 8,97% cổ phần tại PC1, so với mức 6,01% trước đây.

VGC: Thuế chống bán phá giá chính thức đối với kính nổi không màu được ấn định cao hơn một chút so với mức thuế tạm thời

* Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1400/QĐ-BCT ngày 12/06/2026, về việc áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm kính nổi không màu có xuất xứ từ Indonesia và Malaysia.

* **Mức thuế chính thức được ấn định từ 33%–63%, so với mức thuế tạm thời từ 15%–63% được áp dụng từ tháng 02/2026.** Các mức thuế này bắt đầu có hiệu lực từ ngày 14/06/2026 và sẽ được áp dụng trong vòng 5 năm.

* Mức thuế sàn cao hơn sẽ tiếp tục hỗ trợ cho xu hướng tăng giá bán trung bình (ASP) đối với mảng kính xây dựng của VGC, phù hợp với định hướng của ban lãnh đạo về mức tăng +30%–40% so với giai đoạn trước khi áp thuế chống bán phá giá.

* Trong quý 1/2026, phân khúc kính xây dựng đã quay trở lại mức có lợi nhuận sau ba năm thua lỗ, nhờ được hỗ trợ bởi các biện pháp thuế chống bán phá giá và mức tăng trưởng doanh thu đạt 50% so với cùng kỳ.

* **Quan điểm của chúng tôi: Tích cực.** Tuần trước, Chủ tịch HĐQT của VGC đã tái khẳng định kết quả hoạt động tích cực trong nửa đầu năm 2026 của mảng này và duy trì kế hoạch định hướng tăng trưởng doanh thu năm 2026 ở mức +40% so với cùng kỳ. Chúng tôi hiện duy trì khuyến nghị MUA đối với VGC, với giá mục tiêu là 66.800 đồng/cổ phiếu.

VHM: Tiềm năng tham gia các dự án đường sắt quy mô lớn theo hình thức EPC/BCC; hiện chưa được phản ánh trong báo cáo cập nhật gần nhất của chúng tôi

CTCP Vinhomes (VHM) tham gia các hợp đồng EPC cho tuyến metro Bến Thành – Cần Giờ và đường sắt tốc độ cao Hà Nội – Quảng Ninh; tham gia hợp đồng BCC với VinSpeed cho dự án đường sắt tốc độ cao Hà Nội – Quảng Ninh; Chúng tôi hiện chưa đưa các hợp đồng EPC/BCC này vào báo cáo cập nhật mới nhất của chúng tôi cho VHM.

1. Các hợp đồng EPC cho tuyến metro Bến Thành – Cần Giờ và đường sắt tốc độ cao Hà Nội – Quảng Ninh

VHM sẽ tham gia liên danh cùng với CTCP Đầu tư và Xây dựng SGC để ký kết các hợp đồng thiết kế kỹ thuật và xây dựng (EPC) với CTCP Đầu tư và Phát triển Đường sắt Cao tốc VinSpeed (VinSpeed) cho các dự án sau:

- Tuyến metro Bến Thành – Cần Giờ: Thiết kế và thi công, với giá trị hợp đồng ước tính khoảng 43,8 nghìn tỷ đồng.
- Đường sắt tốc độ cao Hà Nội – Quảng Ninh: Thiết kế và thi công, với giá trị hợp đồng ước tính khoảng 73,4 nghìn tỷ đồng.

2. Hợp đồng BCC với VinSpeed cho dự án đường sắt tốc độ cao Hà Nội – Quảng Ninh

Ngoài ra, VHM sẽ ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với VinSpeed để đầu tư, xây dựng, vận hành và khai thác thương mại dự án đường sắt tốc độ cao Hà Nội – Quảng Ninh.

Cơ cấu hợp đồng BCC dự kiến:

- Góp vốn: VHM sẽ đóng góp không quá 85% tổng vốn đầu tư dự án sau khi trừ đi phần vốn do VinSpeed huy động từ các bên thứ ba. Trong mọi trường hợp, phần vốn góp của VHM sẽ không vượt quá 35% tổng tài sản của VHM.
- Phân chia lợi nhuận: lợi nhuận của VHM sẽ được xác định dựa trên công thức:

$85\% \times \text{LN từ HĐKD} - \text{chi phí lãi vay phát sinh} - \text{lợi nhuận phân chia cho các đối tác khác.}$

Thông tin chi tiết thêm về hai dự án hạ tầng mà VinSpeed đã được chấp thuận đầu tư:

- Đường sắt tốc độ cao Hà Nội – Quảng Ninh:

Dự án có tổng giá trị đầu tư ước tính khoảng 147 nghìn tỷ đồng (chưa bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng do Nhà nước chi trả). Tuyến đường sắt có chiều dài khoảng 124km, đã làm lễ khởi công vào ngày 12/4/2026 và đặt mục tiêu vận hành thương mại vào năm 2028.

- Tuyến metro Bến Thành – Cần Giờ:

Dự án có tổng giá trị đầu tư ước tính khoảng 102 nghìn tỷ đồng (chưa bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng do Nhà nước chi trả). Tuyến đường sắt có chiều dài khoảng 53km, đã làm lễ khởi công vào ngày 19/12/2025, với mục tiêu vận hành thương mại vào năm 2028.

- Sau khi hoàn thành, các dự án hạ tầng này được kỳ vọng sẽ tăng cường đáng kể khả năng kết nối đến các dự án bất động sản Global Gate Hạ Long và Green Paradise của VHM.

VTP công bố ngày 14/07/2026 là ngày giao dịch không hưởng quyền cho đợt chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2025 với tỷ lệ 17,36%

* Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel (VTP) công bố ngày 14/07/2026 là ngày giao dịch không hưởng quyền đối với đợt chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2025 với tỷ lệ 17,36% (cổ đông sở hữu 10.000 cổ phiếu sẽ nhận thêm 1.736 cổ phiếu mới).

TV2: Tình hình quản trị ổn định trở lại, triển vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh trong 3 năm tới - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2 (TV2) vào ngày 30/06/2026. Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo lợi nhuận năm 2026, cần đánh giá chi tiết hơn. Nguyên nhân chính là do ban lãnh đạo dự kiến doanh thu từ các hợp đồng EPC sẽ được ghi nhận trong giai đoạn 2027–2029, chậm hơn so với dự báo hiện tại của chúng tôi là 2026–2028. Tuy vậy, ban lãnh đạo vẫn lạc quan về triển vọng 5 năm tới, với backlog đã ký đạt 10 nghìn tỷ đồng, cùng nhu cầu điện và kế hoạch mở rộng công suất nguồn điện đáng kể của Việt Nam.

* Cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Chơn Hùng khỏi vị trí Thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

* Bà Phạm Liên Hải, hiện là Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Tài chính, được bầu làm Chủ tịch HĐQT mới. Bà Hải có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành điện, với chuyên môn trong mảng EPC. Chúng tôi cho rằng bà Hải sẽ dẫn dắt TV2 vượt qua các khó khăn hiện tại.

* **Cam kết của EVN:** EVN nhìn nhận vụ việc đang được điều tra là vi phạm mang tính cá nhân, thay vì vi phạm mang tính hệ thống tại TV2. EVN tái khẳng định cam kết tiếp tục đồng hành với TV2 và hỗ trợ công ty trong việc ổn định quản trị, duy trì hoạt động kinh doanh bình thường và đảm bảo tính liên tục của các dự án đang triển khai.

* HĐQT sẽ tạm thời hoạt động với 4 thành viên, so với 5 thành viên trước đây, cho đến khi ban lãnh đạo nhận thấy cần bổ sung thêm 1 thành viên hoặc đến kỳ ĐHCĐ tiếp theo.

Chia sẻ của HĐQT về vụ việc của ông Hùng: Ban lãnh đạo giải thích rằng vấn đề chủ yếu liên quan đến cách xử lý kế toán và tính minh bạch trong ghi chép sổ sách, thay vì chi tiêu không phù hợp hoặc hành vi sai phạm có chủ ý. Dòng tiền chi ra được đánh giá là hợp lý, nhưng cách trình bày kế toán chưa rõ ràng. Ban lãnh đạo cho biết đây chủ yếu là sai sót ở cấp độ cá nhân và không ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động cũng như triển vọng của TV2.

Cổ tức tiền mặt: TV2 đã điều chỉnh tăng kế hoạch cổ tức tiền mặt năm 2026 lên tối thiểu 1.000 đồng/cổ phiếu, phù hợp với dự báo hiện tại của chúng tôi. ĐHCĐ cũng đã thông qua mức cổ tức tiền mặt 10%, tương đương 1.000 đồng/cổ phiếu cho năm 2025, phù hợp với dự báo của chúng tôi. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt báo cáo trong ngày

SZC: Doanh số cho thuê đất hồi phục, phương thức ghi nhận trở lại bình thường hỗ trợ lợi nhuận 2027 - Cập nhật

Ngành	BDS KCN & Nhà ở		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	01/07/2026	TT Doanh thu	26,1%	-49,8%	41,8%	20,8%
Giá hiện tại	22.750 VND	TT EPS	14,2%	-58,7%	61,7%	24,5%
Giá mục tiêu	24.700 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)	345	142	230	287
Giá mục tiêu gần nhất	42.400 VND	Biên LN góp	51,0%	43,1%	48,3%	50,3%
TL tăng	+8,6%	Biên LN ròng	31,4%	25,8%	29,4%	30,3%
Lợi suất cổ tức	4,4%	P/E	12,9x	31,3x	19,3x	15,5x
Tổng mức sinh lời	+13,0%	P/B điều chỉnh	1,2x	1,2x	1,2x	1,1x
GT vốn hóa	4,1 nghìn tỷ đồng			SZC	Peers*	VNI
Room KN	768 tỷ đồng	P/E (trượt)		18,9x	8,8x	15,2x
GTGD/ngày (30n)	10,5 tỷ đồng	P/B (ht)		1,2x	1,2x	2,1x
Cổ phần Nhà nước	57,8%	ROE		7,4%	20,9%	15,2%
SL cổ phiếu lưu hành	180,0 tr	ROA		2,9%	6,7%	2,3%
Pha loãng	180,0 tr	* P/B điều chỉnh cho SZC và các công ty cùng ngành				

* Chúng tôi điều chỉnh giảm 42% giá mục tiêu xuống mức 24.700 đồng/cổ phiếu nhưng vẫn duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với CTCP Sonadezi Châu Đức (SZC). SZC hiện đang giao dịch với mức P/B dự phóng năm 2026/2027 lần lượt ở mức 1,2x/1,2x, thấp hơn mức trung vị 5 năm của công ty là 2,4x. Chúng tôi cho rằng đây là mức định giá tương đối hấp dẫn, do chúng tôi kỳ vọng rằng lợi nhuận của công ty sẽ bắt đầu phục hồi từ nửa cuối năm 2026 (nhờ được hỗ trợ bởi sự cải thiện của doanh số cho thuê KCN và việc doanh thu hồi phục về mức bình thường).

* Mức giảm đối với giá mục tiêu của chúng tôi chủ yếu đến từ việc chúng tôi (1) hạ dự báo doanh số cho thuê đất KCN trong giai đoạn 2026/2027, (2) kéo dài thời gian hoàn tất cho thuê đất KCN dự kiến, (3) giảm giá định doanh số bán đất KDC Châu Đức trong giai đoạn 2026-2027 do lãi suất năm 2026 dự kiến cao hơn so với cùng kỳ, kết hợp với (4) mức tăng của nợ ròng tại cuối quý 1/2026 (được bù đắp một phần bởi việc chúng tôi dời thời gian định giá sang giữa năm 2027).

* Đối với năm 2026, chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS sẽ giảm 59% YoY xuống mức 142 tỷ đồng. Dự báo của chúng tôi giả định SZC ghi nhận doanh thu bàn giao đất KCN theo phương pháp phân bổ trong nửa đầu năm 2026 (6T 2026), trước khi quay trở lại phương pháp ghi nhận một lần toàn bộ giá trị hợp đồng từ nửa cuối năm 2026.

* Đối với năm 2027, chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS sẽ tăng mạnh 62% so với năm 2026, lên mức 230 tỷ đồng, nhờ được thúc đẩy bởi dự báo rằng diện tích bàn giao đất KCN và KĐT Châu Đức sẽ cao hơn so với cùng kỳ.

* Chúng tôi lần lượt điều chỉnh giảm 63%/51% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS các năm 2026/2027, nhằm chủ yếu phản ánh giả định doanh thu KCN thấp hơn do mức giảm của chúng tôi đối với dự báo doanh số bán, diện tích bàn giao đất KCN, và dự báo doanh thu KDC Châu Đức (trong bối cảnh nhu cầu BĐS nhà ở phục hồi chậm).

* Chúng tôi cho rằng SZC sẽ hưởng lợi từ hàng loạt dự án hạ tầng trọng điểm, bao gồm cụm cảng Cái Mép đang tăng trưởng nhanh, cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu (đưa vào khai thác từ tháng 5/2026) và Sân bay Quốc tế Long Thành (Giai đoạn 1 dự kiến sẽ vận hành trong 6T 2027), nhờ quỹ đất KCN và KĐT lớn (với quy mô khoảng 2.300 ha) của công ty.

* Rủi ro: Doanh số bán đất KCN thấp hơn kỳ vọng và tiến độ mở bán dự án KĐT Châu Đức diễn ra chậm hơn dự kiến.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GTGD/30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	54	0,0	10.200	25.500	150%	0,0%	150%	KQ	17/01/25	28,9	6,9	13,2	0,8
DGC	Công nghiệp	44%	692	1,4	47.900	91.200	90%	6,3%	97%	MUA	02/03/26	6,4	6,1	13,2	1,2
KDH	Bất động sản	25%	933	3,5	21.850	42.600	95%	0,0%	95%	MUA	11/05/26	24,7	16,3	18,6	1,3
SZC	KCN	19%	156	0,4	22.750	42.400	86%	4,4%	91%	KQ	01/07/25	12,9	11,6	18,6	1,3
NLG	Bất động sản	9%	493	2,1	26.700	45.800	72%	1,9%	73%	MUA	11/05/26	15,5	19,0	18,6	1,0
TV2	Điện & Nước	8%	75	0,2	29.100	49.000	68%	3,4%	72%	MUA	22/04/26	33,1	11,6	11,8	1,5
BMI	Bảo hiểm	23%	81	0,1	14.200	23.100	63%	3,5%	66%	MUA	12/04/24	9,5	5,6	12,1	0,7
HDG	Điện & Nước	33%	322	1,0	20.800	32.900	58%	0,0%	58%	MUA	23/03/26	12,4	10,2	18,6	1,3
PVT	Dầu khí	36%	397	1,9	20.200	30.800	52%	5,0%	57%	MUA	13/03/26	9,6	6,6	11,8	1,2
VGC	KCN	48%	749	0,6	43.900	66.800	52%	5,0%	57%	MUA	11/05/26	14,8	12,3	13,3	2,2
PLC	Dầu khí	49%	65	0,1	21.100	31.900	51%	4,7%	56%	MUA	12/09/25	125,6	6,8	13,2	1,4
HVN	Hàng không	22%	2.840	0,8	24.000	37.100	55%	0,0%	55%	KQ	22/07/25	10,2	8,6	22,7	7,2
PVS	Dầu khí	33%	757	3,2	38.900	60.000	54%	0,0%	54%	MUA	08/05/26	13,7	13,4	15,4	1,3
HPG	VLXD	27%	7.531	16,6	23.450	35.400	51%	1,9%	53%	MUA	12/05/26	13,1	7,8	15,1	1,4
DCM	Phân bón	42%	716	3,2	35.550	51.000	43%	7,0%	50%	MUA	25/05/26	10,4	6,5	13,2	1,6
NVL	Bất động sản	44%	1.147	8,2	12.550	18.600	48%	0,0%	48%	MUA	18/06/26	15,6	20,3	18,6	0,7
FRT	Bán lẻ	17%	830	3,3	122.100	180.100	48%	0,0%	48%	MUA	17/06/26	26,2	18,2	11,4	4,9
IDC	KCN	33%	601	1,8	41.600	58.000	39%	7,2%	47%	MUA	04/06/26	8,3	8,0	18,6	2,4
CTG	Ngân hàng	5%	10.163	9,0	34.400	50.000	45%	0,0%	45%	MUA	15/05/26	8,8	7,5	13,0	1,4
PNJ	Bán lẻ	1%	1.220	2,4	62.700	88.900	42%	3,2%	45%	MUA	12/05/26	12,2	9,7	8,9	2,2
ACG	Gỗ	12%	189	0,0	33.000	45.800	39%	5,2%	44%	MUA	15/07/25	10,4	8,2	15,1	1,1
SIP	KCN	47%	460	0,7	50.000	69.800	40%	4,0%	44%	MUA	22/12/25	9,9	9,4	18,6	2,2
HDC	Bất động sản	48%	132	0,8	15.050	21.400	42%	0,0%	42%	KQ	09/01/26	5,4	11,1	18,6	1,2
MBB	Ngân hàng	1%	7.890	10,9	25.750	36.000	40%	1,9%	42%	MUA	21/05/26	7,7	6,4	13,0	1,4
PTB	Công nghiệp	9%	148	0,1	38.650	52.000	35%	5,4%	40%	KQ	06/10/25	5,2	6,7	15,1	1,1
MSN	Bán lẻ	75%	4.027	15,3	72.500	101.200	40%	0,0%	40%	MUA	21/05/25	25,5	24,7	11,8	2,9
VPB	Ngân hàng	6%	8.359	14,7	27.700	38.000	37%	1,8%	39%	MUA	18/05/26	9,2	7,1	13,0	1,3
KBC	KCN	41%	1.067	4,6	29.800	40.400	36%	3,4%	39%	MUA	01/06/26	13,3	11,6	18,6	1,1

REE	Điện & Nước	0%	1.182	1,0	49.900	66.900	34%	2,0%	36%	MUA	22/04/26	12,3	10,8	11,8	1,5
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.388	6,8	55.200	70.300	27%	7,2%	35%	MUA	24/04/25	12,3	13,1	14,3	3,5
NT2	Điện & Nước	38%	252	0,4	23.000	28.800	25%	8,7%	34%	MUA	28/05/26	6,2	7,3	11,9	1,3
MCH	Bán lẻ	85%	6.997	2,1	140.700	181.700	29%	4,3%	33%	PHTT	28/11/25	27,3	23,8	14,3	10,7
SSI	Chứng khoán	69%	2.588	14,3	27.200	35.100	29%	3,7%	33%	MUA	08/12/25	16,7	15,0	18,2	1,7
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.359	1,3	48.350	59.000	22%	10,3%	32%	MUA	06/01/26	14,4	13,8	14,3	2,8
QTP	Điện & Nước	-1%	201	0,1	11.800	14.600	24%	8,5%	32%	MUA	10/12/25	5,2	8,1	11,9	0,9
GMD	GTVT	8%	1.205	3,4	74.300	95.500	29%	3,4%	32%	MUA	25/05/26	20,1	13,1	11,8	2,3
TLG	Văn phòng phẩm	89%	184	0,1	50.000	61.900	24%	7,0%	31%	MUA	12/09/25	10,7	8,1	8,9	2,0
DPG	Điện & Nước	31%	171	0,4	38.000	48.900	29%	1,6%	30%	MUA	11/06/26	11,7	12,3	13,3	1,5
DXG	Bất động sản	31%	613	4,1	12.700	16.400	29%	0,0%	29%	MUA	06/04/26	69,6	72,8	18,6	1,1
TCB	Ngân hàng	1%	9.245	19,4	34.300	42.600	24%	4,1%	28%	MUA	11/05/26	9,6	8,4	13,0	1,4
BVH	Bảo hiểm	22%	1.807	0,9	64.000	81.000	27%	1,6%	28%	MUA	11/06/26	17,1	12,8	12,1	1,9
DPM	Phân bón	46%	597	2,5	23.100	28.000	21%	6,5%	28%	PHTT	25/05/26	17,6	9,7	13,2	1,4
MWG	Bán lẻ	0%	4.468	15,1	80.000	101.000	26%	1,3%	28%	MUA	14/10/25	16,6	14,1	11,4	3,3
FPT	CNTT	21%	4.754	29,4	72.900	90.300	24%	3,2%	27%	MUA	08/06/26	14,0	12,3	18,1	3,2
HDB	Ngân hàng	6%	5.064	11,8	26.600	33.000	24%	1,9%	26%	MUA	06/03/26	7,4	6,3	13,0	1,7
VCB	Ngân hàng	10%	20.023	10,2	63.000	78.500	25%	0,0%	25%	MUA	18/05/26	16,2	13,6	13,0	2,3
VRE	Bất động sản	37%	2.446	6,0	28.300	34.200	21%	3,5%	24%	PHTT	29/05/26	10,0	11,6	18,6	1,3
POW	Điện & Nước	45%	1.704	5,9	14.600	18.000	23%	0,0%	23%	MUA	29/05/26	18,7	15,5	11,9	1,2
GAS	Dầu khí	47%	7.159	3,6	78.000	93.600	20%	3,2%	23%	MUA	14/04/26	16,8	15,3	11,9	2,7
ACB	Ngân hàng	5%	5.001	24,5	22.650	27.100	20%	3,1%	23%	MUA	21/05/26	7,5	6,6	13,0	1,3
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	81%	478	0,6	60.000	71.600	19%	3,3%	23%	MUA	26/01/26	9,9	7,6	14,3	1,3
DXS	Bất động sản	43%	159	0,4	7.210	8.800	22%	0,0%	22%	KQ	11/06/26	12,2	10,6	18,6	0,6
F88	Tài chính TT	42%	666	0,9	80.300	98.000	22%	0,0%	22%	MUA	25/06/26	24,6	15,1	#N/A	7,2
GEX	Điện & Nước	43%	1.548	15,6	31.100	37.300	20%	1,1%	21%	MUA	30/12/25	26,5	29,8	11,8	2,1
PVD	Dầu khí	40%	707	4,9	33.450	40.300	20%	0,0%	20%	MUA	09/04/26	20,7	16,6	15,4	1,1
PPC	Điện & Nước	45%	117	0,0	9.570	11.000	15%	5,2%	20%	KQ	10/12/25	18,8	9,5	11,9	0,7
DHC	Công nghiệp	15%	139	0,3	34.500	40.100	16%	3,8%	20%	MUA	16/12/25	8,5	8,2	15,1	1,6
BWE	Điện & Nước	47%	376	0,3	45.000	51.600	15%	2,9%	18%	MUA	13/05/26	11,6	12,5	11,9	1,6

BID	Ngân hàng	12%	11.921	6,2	43.050	50.500	17%	0,0%	17%	MUA	21/05/26	11,3	10,5	13,0	1,7
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	684	0,2	49.100	53.400	9%	8,1%	17%	KQ	30/08/24	9,4	7,0	14,3	1,7
BMP	VLXD	19%	476	0,8	152.900	163.000	7%	10,1%	17%	MUA	17/06/26	10,3	9,8	13,3	3,9
DGW	Bán lẻ	26%	337	1,2	40.100	45.400	13%	2,5%	16%	KQ	18/06/26	16,2	13,8	11,4	2,4
SCS	DV Hàng không	21%	179	0,3	49.200	51.200	4%	11,2%	15%	PHTT	13/01/26	6,2	6,7	22,7	2,8
CTR	CNTT	45%	374	1,1	85.900	96.800	13%	1,7%	14%	KQ	14/04/26	16,4	14,0	13,3	4,4
PHR	Công nghiệp	37%	327	1,0	63.500	71.300	12%	2,1%	14%	MUA	25/03/26	20,0	9,2	13,2	2,0
TPB	Ngân hàng	7%	1.767	9,6	16.750	18.600	11%	3,0%	14%	MUA	20/05/26	6,3	6,0	13,0	1,1
AST	DV Hàng không	3%	127	0,0	74.100	80.600	9%	4,7%	13%	MUA	26/08/25	13,3	12,9	11,4	4,9
PLX	Xăng dầu	6%	1.810	3,8	37.450	41.100	10%	3,2%	13%	MUA	13/10/25	19,4	16,3	15,4	1,9
VIB	Ngân hàng	1%	2.149	6,9	16.600	18.500	11%	0,0%	11%	KQ	23/05/25	7,8	6,4	13,0	1,2
VTP	GTVT	45%	429	1,0	65.500	71.800	10%	0,0%	10%	PHTT	25/05/26	27,3	32,6	11,8	6,4
ACV	Hàng không	47%	5.976	0,9	43.900	48.000	9%	0,0%	9%	PHTT	18/05/26	14,0	13,9	11,8	2,2
BSR	Lọc hóa dầu	48%	4.847	8,2	25.450	27.000	6%	2,8%	9%	PHTT	18/03/26	24,6	7,8	15,4	1,9
NKG	VLXD	46%	226	0,7	12.050	13.100	9%	0,0%	9%	PHTT	18/04/25	27,3	9,3	15,1	0,8
VHM	Bất động sản	42%	23.232	30,9	148.700	153.700	3%	4,0%	7%	PHTT	29/05/26	14,6	11,1	18,6	2,3
TDM	Điện & Nước	49%	254	0,5	60.000	60.600	1%	2,2%	3%	KQ	13/05/26	34,5	33,4	11,9	2,5
VEA	Ô-tô	48%	1.774	0,3	35.100	30.800	-12%	13,7%	1%	PHTT	28/10/25	6,4	6,6	11,8	1,6
STB	Ngân hàng	18%	5.249	17,4	73.200	73.500	0%	0,0%	0%	PHTT	18/05/26	25,7	23,1	13,0	2,2
OIL	Dầu khí	6%	527	0,8	13.500	12.700	-6%	0,7%	-5%	KQ	17/10/25	33,0	29,8	15,4	1,3
GVR	Công nghiệp	12%	5.044	2,9	33.150	30.500	-8%	1,2%	-7%	KQ	31/12/25	24,9	21,7	13,2	2,3
HSG	VLXD	46%	361	1,2	11.750	10.400	-11%	4,3%	-7%	PHTT	18/04/25	15,1	16,2	15,1	0,8
VJC	Hàng không	24%	4.075	22,9	139.300	114.000	-18%	0,0%	-18%	KQ	15/03/24	38,8	15,6	22,7	4,1
LPB	Ngân hàng	4%	6.034	23,0	53.100	39.300	-26%	1,9%	-24%	KKQ	18/11/25	14,0	14,7	13,0	3,2
VIC	Bất động sản	45%	63.636	63,4	217.100	110.000	-49%	0,0%	-49%	BÁN	12/06/26	142,9	61,5	18,6	11,3

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
					P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	54	141.476	2.620	20	14,8	11,7	9,9	15,2	1,7	22,1	17,1	12,7	2,0	3,2%
KHẢ QUAN	15	17.049	1.137	3	14,7	15,7	12,0	16,7	2,3	22,3	18,3	13,8	2,2	2,1%
PHÙ HỢP TT	12	52.313	4.359	2	18,9	15,8	12,2	17,0	2,3	26,4	18,0	14,4	2,9	4,2%
KÉM KHẢ QUAN	1	6.034	6.034	0	17,2	14,0	14,7	10,4	3,2	17,2	14,0	14,7	3,2	1,9%
BÁN	1	63.636	63.636	1	135,7	142,9	61,5	72,4	11,3	135,7	142,9	61,5	11,3	0,0%
TỔNG CỘNG	83	280.507	3.380	26	19,6	16,1	13,0	17,0	2,3	24,0	18,8	13,7	2,2	3,0%

	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
					P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	92.866	7.739	11	12,1	10,5	9,0	12,8	1,6	11,8	11,0	9,7	1,7	1,5%
Bảo hiểm	2	1.888	944	1	21,7	16,5	12,2	21,2	1,8	16,4	13,3	9,2	1,3	2,6%
Chứng khoán	1	2.588	2.588	1	21,8	16,7	15,0	21,5	1,7	21,8	16,7	15,0	1,7	3,7%
Tài chính thay thế	1	666	666	0	50,3	24,6	15,1	30,0	7,2	50,3	24,6	15,1	7,2	0,0%
Tiêu dùng	13	28.121	2.163	4	18,0	15,7	14,4	19,8	3,4	22,4	15,6	13,4	3,4	4,8%
CNTT	1	4.754	4.754	1	17,1	14,0	12,3	17,4	3,2	17,1	14,0	12,3	3,2	3,2%
Bất động sản	9	92.789	10.310	2	59,0	37,5	26,5	26,2	4,3	38,7	34,5	26,0	2,3	1,0%
Vật liệu	4	8.593	2.148	1	16,5	13,1	8,1	19,0	1,4	14,5	16,5	10,8	1,7	4,1%
Điện & Nước	12	6.553	546	1	22,8	14,5	13,8	17,3	1,4	28,4	16,7	14,1	1,5	3,0%
Dầu khí	10	17.582	1.758	2	25,1	18,2	11,3	21,4	1,9	36,0	29,1	12,9	1,6	3,3%
Công nghiệp	5	1.223	245	0	7,9	7,1	6,7	12,0	1,2	12,3	11,9	7,2	1,2	4,1%
Khu công nghiệp	7	8.404	1.201	1	23,9	17,5	15,1	19,5	2,0	23,8	14,9	12,0	1,9	3,9%
GTVT & Logistics	7	14.831	2.119	1	14,4	16,1	12,8	18,0	3,1	18,7	18,6	14,8	4,3	2,8%
TỔNG CỘNG	84	280.859	3.344	26	19,6	16,1	13,1	17,0	2,3	24,0	18,8	13,7	2,2	3,0%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	17%	14%	MUA	MUA	Nền tảng vững chắc, chuyển đổi đóng vai trò then chốt cho đà tăng trưởng dài hạn
BID	13%	8%	MUA	KQ	Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 tương đối tốt nhưng NIM gây thất vọng
CTG	65%	17%	MUA	MUA	NIM tiếp tục hồi phục tốt; chất lượng tài sản được duy trì vững chắc
HDB	19%	17%	KQ		ROE cao nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh và tối ưu quản trị chi phí; áp lực hiện hữu lên NIM
LPB	-10%	-4%	KKQ		Khởi đầu năm tương đối chậm với kết quả NIM và chất lượng tài sản thấp hơn kỳ vọng
MBB	14%	20%	MUA	MUA	Khả năng sinh lời cao với tiềm năng tái định giá
STB	-43%	11%	KQ	PHTT	Quá trình làm sạch bảng cân đối kế toán tiếp tục gây áp lực lên lợi nhuận quý 1/2026; áp lực dự phòng hạ nhiệt theo quý nhưng vẫn tăng mạnh YoY
TCB	12%	15%	MUA	MUA	Năng lực triển khai hiệu quả các trụ cột kinh doanh chính sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận bất chấp các yếu tố vĩ mô bất lợi
TPB	0%	5%	MUA	MUA	Kết quả quý 1/2026 đạt kỳ vọng với tăng trưởng tín dụng khả quan nhưng NIM giảm, chất lượng tài sản suy yếu
VCB	10%	19%	MUA	MUA	Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ với NIM tiếp tục phục hồi
VIB	16%	22%	KQ		NIM tiếp tục giảm; thu nhập ngoài lãi thúc đẩy lợi nhuận
VPB	59%	29%	MUA	MUA	Chính sách hỗ trợ và nền tảng vốn vững chắc giúp thúc đẩy triển vọng đầu tư
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	-12%	68%	MUA		
BVH	19%	5%	KQ		Bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng vượt trội; thu nhập tài chính vững mạnh, mức dự phòng kỹ thuật thấp hỗ trợ khả năng sinh lời
SSI	52%	-7%	MUA		Lợi nhuận quý 1/2026 phù hợp với kỳ vọng nhờ doanh thu môi giới và cho vay kỳ quỹ cải thiện
F88	125%	62%	KQ	MUA	ROE dự kiến đạt đỉnh mới trong năm 2026 nhờ hoạt động giải ngân mạnh mẽ
Tiêu dùng					
CTR	23%	17%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS tăng 23% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh từ mảng xây dựng
DGW	88%	17%	PHTT	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 tăng trưởng mạnh 89% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu ở tất cả các mảng
FPT	14%	14%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo
FRT	71%	44%	MUA	MUA	Long Châu duy trì tăng trưởng vững chắc; FPT Shop tiếp tục ghi nhận lãi ròng
MSN (2)	101%	42%	MUA		Lợi nhuận tăng mạnh nhờ tăng trưởng toàn diện của mảng tiêu dùng - bán lẻ và giá khoáng sản lập đỉnh lịch sử
MCH	12%	15%	PHTT		Retail Supreme, chiến lược đổi mới và các ngành hàng phụ trợ thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng hai chữ số

MWG	76%	18%	MUA		LNST quý 1 tăng 80% YoY, doanh thu DMX tăng mạnh 33% YoY, biên lợi nhuận ròng BHX đạt 2,9%
PNJ	117%	26%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 117% YoY; doanh thu bán lẻ tăng 22% YoY trong quý 1/2026
QNS	0%	33%	KQ		Triển vọng mảng sữa thực vật khả quan bù đắp cho chu kỳ giảm của ngành đường
SAB	51%	5%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS phục hồi 49% YoY sau năm 2025 đầy biến động
TLG	19%	20%	MUA		Kế hoạch năm 2026 thận trọng dù KQKD quý 1 tích cực
VEA	38%	-1%	PHTT		Lợi nhuận quý 1 tăng mạnh 38% YoY, phù hợp với kỳ vọng
VHC	38%	25%	MUA		Giá bán trung bình (ASP) xuất khẩu tăng giúp cải thiện biên lợi nhuận, nhưng lợi nhuận vẫn thấp hơn so với dự báo
VNM	25%	6%	MUA		Năng lực cạnh tranh mạnh, triển vọng tăng trưởng một chữ số trong năm 2026
GTVT & Logistics					
ACV	-5%	3%	PHTT		Chất lượng lợi nhuận duy trì ổn định dù có sự thay đổi cơ cấu; Lợi nhuận mảng an ninh được tái phân loại thành khoản mục riêng
AST	85%	6%	MUA		KQKD quý 1 tích cực; đã tăng trưởng khách quốc tế và kế hoạch mở rộng góp phần hỗ trợ tiềm năng tăng đối với dự báo
GMD (2)	32%	30%	MUA	BUY	Kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ trong năm 2026, định giá vẫn hấp dẫn
HVN	-8%	19%	PHTT		Lợi nhuận quý 1 vượt kỳ vọng nhờ đòn bẩy kinh doanh mạnh mẽ; biên lợi nhuận bình thường hóa đáng kể QoQ, rủi ro giá nhiên liệu đang được đánh giá
SCS	2%	-6%	PHTT		KQKD quý 1 khiêm tốn do tác động từ căng thẳng Trung Đông trong tháng 3
VJC	58%	N.A	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS tăng 58% YoY; mảng vận tải quốc tế dẫn dắt đà tăng trưởng
VTP	-30%	-16%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTS giảm 44% YoY do giá nhiên liệu tăng mạnh và chi phí SG&A cao
Bất động sản					
DXG	-37%	-4%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 giảm so với cùng kỳ khi lợi ích cổ đông thiểu số tăng cao và biên lợi nhuận giảm
DXS	374%	15%	KQ	KQ	Khối lượng giao dịch ổn định dự kiến sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng của lợi nhuận
HDC	277%	-51%	KQ		KQKD quý 1 tăng mạnh so với cùng kỳ từ mức nền thấp nhờ hoạt động bán giao BĐS cải thiện
NVL	N.M.	-23%	MUA	MUA	Dự án Aqua City dự kiến dẫn dắt đà phục hồi mạnh mẽ của doanh số bán bất động sản
KDH	130%	52%	MUA	MUA	Định giá hấp dẫn, lợi nhuận bước vào chu kỳ tăng trưởng
NLG	-51%	-18%	MUA	MUA	Doanh số bán BĐS tăng tốc thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi
VHM	850%	31%	KQ	PHTT	Hoạt động bán lẻ lớn sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng năm 2026
VIC	2%	132%	BÁN	BÁN	Doanh số bán BĐS và sản lượng bàn giao xe điện mạnh mẽ; Chủ tịch duy trì hỗ trợ; đòn bẩy tài chính dự kiến giảm nhờ tách mảng sản xuất VinFast
VRE	36%	-14%	KQ	PHTT	Hoạt động cho thuê bán lẻ ổn định sẽ hỗ trợ đà tăng trưởng của lợi nhuận cốt lõi trong năm 2026
Khu công nghiệp					

GVR	90%	15%	KQ		Lợi nhuận quý 1/2026 khả quan nhờ mảng cao su và thu nhập khác ròng cao hơn; vượt kỳ vọng của chúng tôi
IDC	-21%	3%	MUA	MUA	Quý đất lớn và các dự án sắp mở bán sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng của lợi nhuận
KBC	-77%	15%	MUA	MUA	Doanh số bàn giao đất KCN duy trì tốt giúp hỗ trợ tăng trưởng 2026/27
PHR	192%	118%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 gấp ba lần YoY nhờ ghi nhận tiền đến bù tăng, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
SIP	-5%	6%	MUA		Lợi nhuận quý 1 giảm nhẹ so với cùng kỳ do thu nhập tài chính thấp hơn; phù hợp với kỳ vọng
SZC	-88%	11%	KQ		Lợi nhuận giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán; dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG	32%	26%	MUA		Doanh thu quý 1/2026 vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước khả quan; lợi nhuận cốt lõi phù hợp với dự báo
BMP	6%	15%	MUA		Lợi nhuận quý 1 tiếp tục duy trì ở mức cao trong lịch sử, tăng trưởng so với cùng kỳ quý trước và cùng kỳ năm trước
DGC	-50%	23%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 giảm 49% YoY; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
DHC	53%	3%	MUA		Triển vọng nửa đầu năm khả quan nhờ giá giấy thuận lợi và OCC giá thấp; lạm phát chi phí là rủi ro chính trong nửa cuối năm
HPG	169%	68%	MUA	MUA	KQKD quý 1 tích cực nhờ doanh thu và biên lợi nhuận mảng thép cải thiện; ghi nhận lãi một lần từ thoái vốn bất động sản
HSG (1)	-42%	-5%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi và biên lợi nhuận quý 2 phục hồi nhờ giá thép tăng do căng thẳng Trung Đông, nhưng vẫn thấp hơn so với dự báo
NKG	-66%	202%	PHTT		KQKD quý 1 yếu khi lợi nhuận từ HĐKD tiếp tục ghi nhận lỗ; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
PTB	10%	-19%	KQ		KQKD mảng gỗ và BĐS vượt kỳ vọng; tiềm năng tăng đối với dự báo năm 2026
STK	-167%	231%	KQ		Lỗ ròng trong quý 1 do sản lượng yếu và áp lực chi phí từ Unitex; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
Điện & Nước					
BWE (2)	20%	-8%	MUA	MUA	KQKD mảng nước khả quan nhưng vẫn có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo
GEX	5%	-10%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng mạnh nhờ mảng thiết bị điện và VLXD, tuy nhiên bị ảnh hưởng bởi mức chi phí tài chính cao
HDG	-68%	22%	KQ		Khoản dự phòng cho dự án Infra 1 lần át việc ghi nhận doanh thu tại Charm Villas, rủi ro giảm đối với dự báo
NT2	395%	-16%	MUA		LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ
PC1	227%	N/A	N/A		LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng gấp 3,3 lần YoY nhờ hoạt động bán BĐS và khoản thu từ việc thoái vốn
POW	170%	-1%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1/2026 tăng gần gấp 3 lần YoY, tương đương ~50% dự báo cả năm của chúng tôi với tiềm năng tăng
PPC	83%	99%	KQ		LNST cốt lõi quý 1 yếu cho thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với năm 2026
QTP	14%	-35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng 14% YoY nhờ chênh lệch giá cải thiện và chi phí khấu hao giảm

REE	17%	17%	MUA		Lợi nhuận tăng trưởng trên tất cả các mảng, nhìn chung phù hợp kỳ vọng
TDM (2)	-61%	-7%	KQ	KQ	LNST từ hoạt động sản xuất nước trong quý 1 năm 2026 đạt 17% dự báo cả năm, có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận.
TV2	91%	184%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng gần gấp đôi YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng củng cố triển vọng doanh thu EPC cao trong năm 2026
DPG	7%	65%	MUA		Doanh số bán BĐS thấp hơn kỳ vọng, rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận
VGC	-33%	12%	MUA		Doanh số cho thuê KCN tích cực củng cố tiềm năng tăng đối với dự báo
Dầu khí					
BSR	1970%	215%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng mạnh nhờ đà tăng trưởng của sản lượng và mức crack spread tích cực; KQKD vượt kỳ vọng của chúng tôi
DCM (2)	91%	61%	MUA	MUA	Tồn kho cao cuối Q1 hỗ trợ KQKD Q2; có tiềm năng tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS
DPM	96%	82%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTS tăng gấp đôi YoY trong quý 1, kỳ vọng kết quả mạnh mẽ hơn trong quý 2
GAS	7%	10%	MUA		Lợi nhuận quý 1 ghi nhận tăng trưởng nhờ sự gia tăng của sản lượng, phù hợp với dự báo
OIL (2)	1958%	39%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng mạnh nhờ lợi nhuận từ hàng tồn kho và đà tăng trưởng sản lượng tích cực; kết quả vượt kỳ vọng
PLX (2)	-754%	19%	MUA		Giá sản phẩm xăng dầu điều chỉnh giảm mạnh, kích hoạt trích lập dự phòng hàng tồn kho, dẫn đến khoản lỗ trong quý 1/2026
PLC	277%	55%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 bị kéo giảm bởi mảng hóa chất bất chấp mức tăng trưởng tích cực của mảng nhựa đường và dầu nhờn; KQKD nhìn chung thấp hơn dự báo của chúng tôi
PVD (2)	33%	7%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng gấp 3,7 lần YoY nhờ KQKD tích cực của mảng khoan và dịch vụ giếng khoan; phù hợp với kỳ vọng
PVS (2)	32%	49%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng 33% YoY nhờ mức tăng mạnh của biên lợi nhuận gộp mảng M&C; phù hợp kỳ vọng
PVT (2)	32%	49%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng 48% YoY nhờ giá cước vận tải dầu tăng, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.867,2	7,2
VN 30	2.013,4	17,6
VN Mid	2.139,6	9,0
VNSmall	1.345,4	2,3

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	313,2	0,0
HNX30	518,6	5,1
VNX Allshare	3.012,5	15,9

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	129,6	-0,4

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	3.970,6	23,0%
Khối ngoại mua	1.568,0	9,1%
Khối ngoại bán	1.237,9	7,2%
Tổng giao dịch	17.232,4	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	201,0	25,1%
Khối ngoại mua	17,1	2,1%
Khối ngoại bán	44,0	5,5%
Tổng giao dịch	802,0	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	334,5	54,0%
Khối ngoại mua	13,3	2,1%
Khối ngoại bán	184,8	29,8%
Tổng giao dịch	619,2	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
MCM	1.550	5,6%
BSR	1.300	5,4%
TDM	3.000	5,3%
MCH	6.700	5,0%
FPT	2.700	3,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SHN	500	9,6%
NRC	400	6,1%
DTD	600	4,6%
NDN	300	2,9%
C69	500	2,8%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SCL	927	5,0%
SBS	177	3,8%
TVN	431	3,8%
HNG	170	2,4%
F88	1.719	2,2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
GEG	-700	-4,8%
PC1	-600	-2,6%
VGC	-1.100	-2,4%
KBC	-700	-2,3%
VHM	-3.100	-2,0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
IDJ	-100	-2,3%
THD	-3.300	-2,0%
TIG	-100	-1,6%
TNG	-300	-1,5%
NVB	-200	-1,4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VES	-4.198	-14,0%
VGR	-17.859	-12,0%
TIN	-10.004	-7,6%
AIG	-681	-1,3%
DRI	-151	-1,1%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VPB	971
FPT	889
HCM	770
SHB	685
VHM	651

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
KSF	192
SHS	134
PVS	62
IDC	60
MBS	55

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	224
XMC	91
BVB	41
HNG	38
VGI	26

Cổ phiếu KLGĐ nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
AFX	751.701	69.713
MCH	3.387.109	437.637
KOS	2.507.054	368.471
REE	3.218.729	535.495
SSB	31.418.435	6.120.010
YEG	3.817.241	1.243.646
CSM	480.194	167.341
ADS	305.484	112.169
HAX	247.885	96.981
VPB	35.945.225	14.545.195

Cổ phiếu KLGĐ nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
TVC	2.086.939	586.559
MBG	979.089	305.713
DTD	217.233	77.519
DXP	185.757	110.459
PVB	88.089	53.810
BVS	394.260	251.871
NRC	1.775.219	1.149.434
NVB	948.580	656.840
VC3	1.562.451	1.126.609
CMS	217.453	161.538

Cổ phiếu KLGĐ nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
HHG	793.085	142.639
SBS	2.110.065	429.825
KVC	861.425	237.082
VHG	521.526	275.954
PHP	197.847	106.505
DDB	200.000	112.613
ABW	410.109	233.765
HNG	3.598.874	2.356.293
VLC	81.919	57.298
APF	74.389	52.685

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.810,6		14,0	2,1	17,4
TCX	4.728,6	90,5	20,4	2,7	14,4
VCK	3.086,5	96,4	18,6	2,7	19,1
SSI	2.585,7	68,5	12,6	1,7	13,9
VPX	2.059,6	95,7	12,8	1,6	14,0
VIX	1.592,5	92,5	5,7	1,9	25,6

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	587,5		11,8	1,5	13,3
BVH	1.805,7	21,8	16,1	1,9	12,1
PVI	660,6	43,1	13,2	2,0	15,4
BIC	179,3	7,4	10,0	1,4	14,9
VNR	151,0	22,8	8,5	1,0	11,6
MIG	140,7	83,5	11,3	1,4	12,4

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.836,4		19,1	3,7	22,6
ACV	5.971,1	47,2	14,7	2,2	15,7
MVN	2.678,4	0,0	30,0	4,8	16,9
GEE	2.212,9	49,0	17,2	7,6	45,2
VEA	1.772,6	47,6	6,1	1,6	26,3
GEX	1.546,7	42,6	27,3	2,1	8,8

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.795,4		16,3	4,4	27,3
MCH	6.991,7	84,6	26,4	10,7	40,3
VNM	4.384,9	51,5	11,2	3,5	31,7
MSN	4.024,2	75,3	22,2	2,9	14,4
SAB	2.357,0	41,3	12,9	2,8	22,0
PNJ	1.219,5	0,8	8,8	2,2	28,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.728,3		15,5	1,5	11,5
BSR	4.843,6	47,9	9,7	1,9	21,5
PLX	1.808,6	6,0	26,8	1,9	7,0
PVS	756,1	33,1	10,3	1,3	13,1
PVD	706,7	40,4	15,6	1,1	7,1
OIL	526,3	6,4	15,0	1,3	8,6

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.357,4		13,3	2,1	17,0
GAS	7.153,6	47,0	16,2	2,7	17,3
POW	1.702,4	45,2	13,0	1,2	9,2
REE	1.181,4	0,0	11,8	1,5	12,8
PGV	962,9	50,0	5,8	1,4	26,2
DNH	786,7	0,0	19,7	3,9	19,3

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	18.857,5		152,1	6,6	24,2
VIC	63.587,2	44,9	144,1	11,3	8,0
VHM	23.214,4	42,4	9,4	2,3	27,8
KSF	2.691,5	50,0	5,6	4,1	68,2
VRE	2.444,2	37,0	9,4	1,3	14,6
THD	2.350,1	48,9	592,2	13,9	2,4

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.933,3		9,8	1,6	17,6
VCB	20.007,9	9,8	14,7	2,3	16,1
BID	11.912,1	12,4	9,8	1,7	18,4
CTG	10.155,2	5,3	7,0	1,4	21,9
TCB	9.238,2	0,9	9,3	1,4	15,6
VPB	8.353,1	6,1	8,4	1,3	16,4

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.643,4		30,3	4,7	49,8
VPL	6.011,7	47,1	62,9	4,2	6,9
MWG	4.465,0	0,1	14,4	3,3	25,4
VJC	4.072,0	23,7	42,4	4,1	10,1
HVN	2.838,3	21,7	7,9	7,2	181,3
FRT	829,9	17,4	23,9	4,9	25,1

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.795,4		16,3	4,4	27,3
HPG	6.991,7	27,5	26,4	10,7	40,3
GVR	4.384,9	12,4	11,2	3,5	31,7
MSR	4.024,2	99,5	22,2	2,9	14,4
KSV	2.357,0	0,0	12,9	2,8	22,0
DCM	1.219,5	41,7	8,8	2,2	28,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.728,3		15,5	1,5	11,5
DHG	4.843,6	46,0	9,7	1,9	21,5
IMP	1.808,6	5,3	26,8	1,9	7,0
DHT	756,1	9,3	10,3	1,3	13,1
DBD	706,7	83,4	15,6	1,1	7,1
DVN	526,3	0,0	15,0	1,3	8,6

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.357,4		13,3	2,1	17,0
FPT	7.153,6	21,2	16,2	2,7	17,3
CMG	1.702,4	13,4	13,0	1,2	9,2
SAM	1.181,4	48,5	11,8	1,5	12,8
SGT	962,9	-5,5	5,8	1,4	26,2
ELC	786,7	46,6	19,7	3,9	19,3

Nguồn: Fiiipro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

See important disclosure at the end of this document

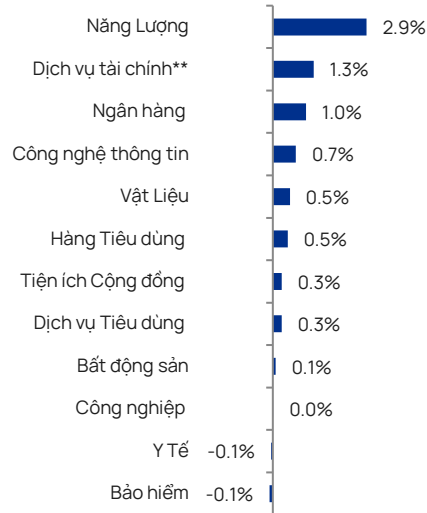
www.vietcap.com.vn

1/7/2026 | 16

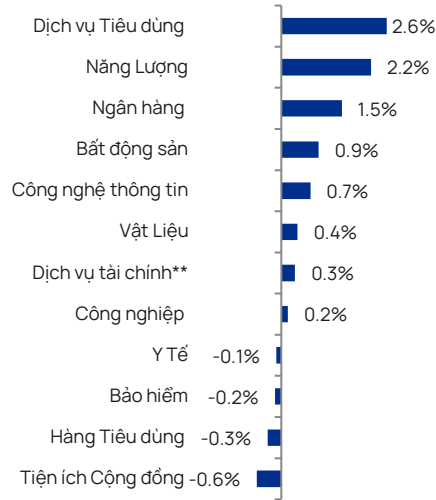
Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

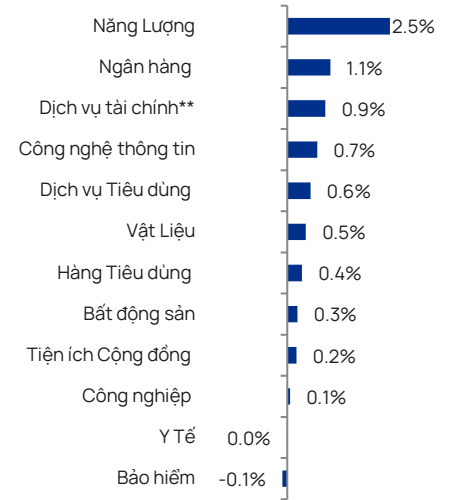


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



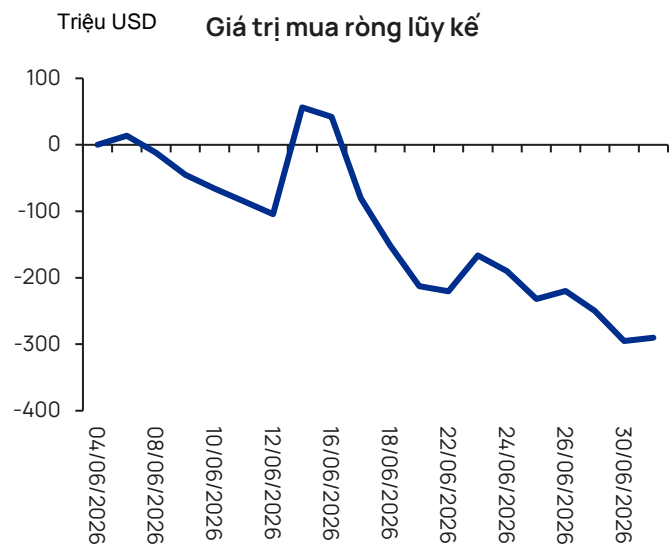
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)

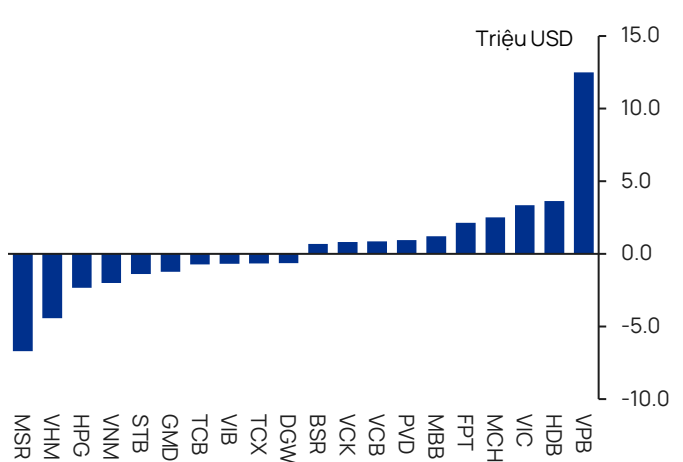


Nguồn: HSX, HNX, Fiiopro

** ngoại trừ ngân hàng

Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

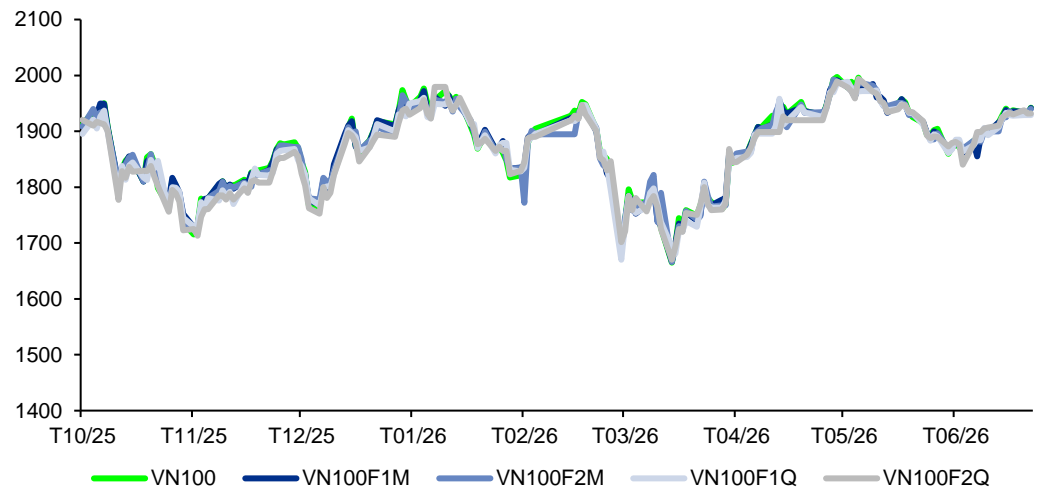
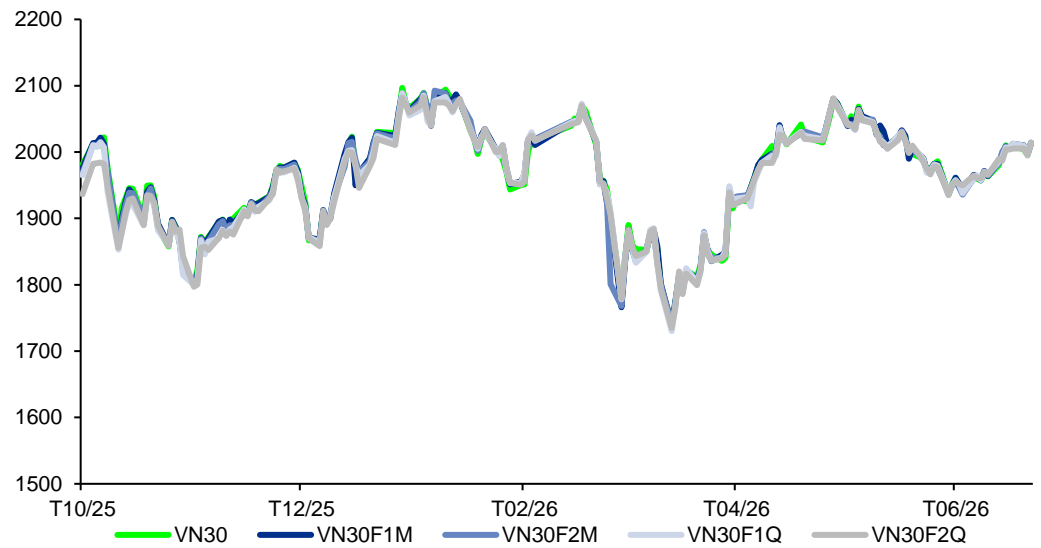
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	2.014,0	16,4	0,8%	0,7
VN30F2M	2.011,5	13,4	0,7%	-1,8
VN30F1Q	2.013,3	13,0	0,6%	0,0
VN30F2Q	2.014,5	19,5	1,0%	1,2
VN100F1M	1.941,8	11,7	0,6%	-0,4
VN100F2M	1.940,0	5,0	0,3%	-2,2
VN100F1Q	1.928,8	0,0	0,0%	-13,4
VN100F2Q	1.932,2	0,0	0,0%	-10,0

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	33.722	4,1%	128,47	8,4%
VN30F2M	773	32,4%	0,39	100,5%
VN30F1Q	636	5,8%	0,08	393,8%
VN30F2Q	837	16,1%	0,19	128,0%
VN100F1M	34	0,0%	0,02	0,0%
VN100F2M	4	33,3%	0,00	0,0%
VN100F1Q	14	0,0%	0,00	0,0%
VN100F2Q	7	0,0%	0,00	-100,0%

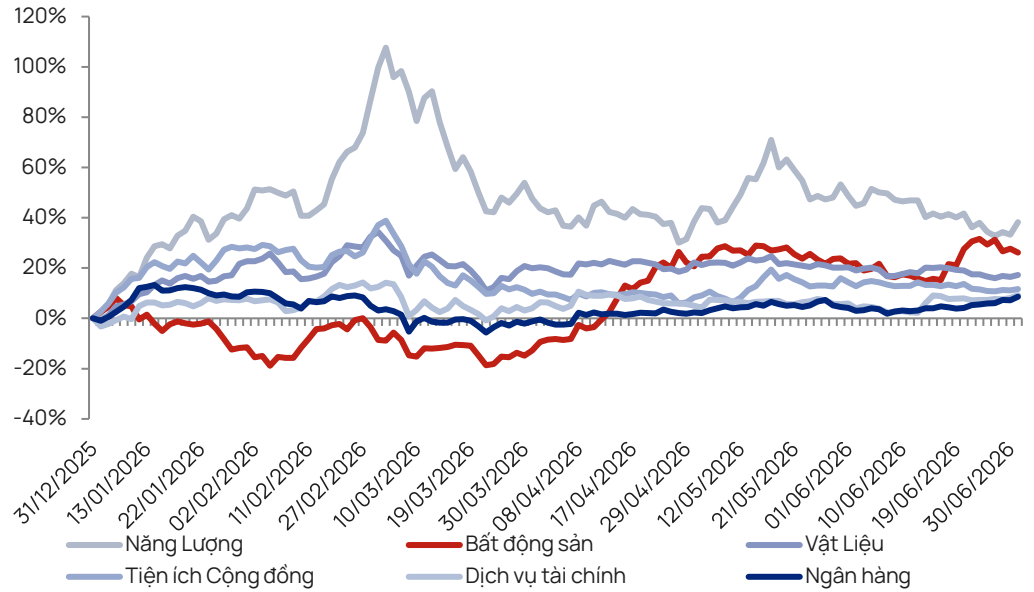


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

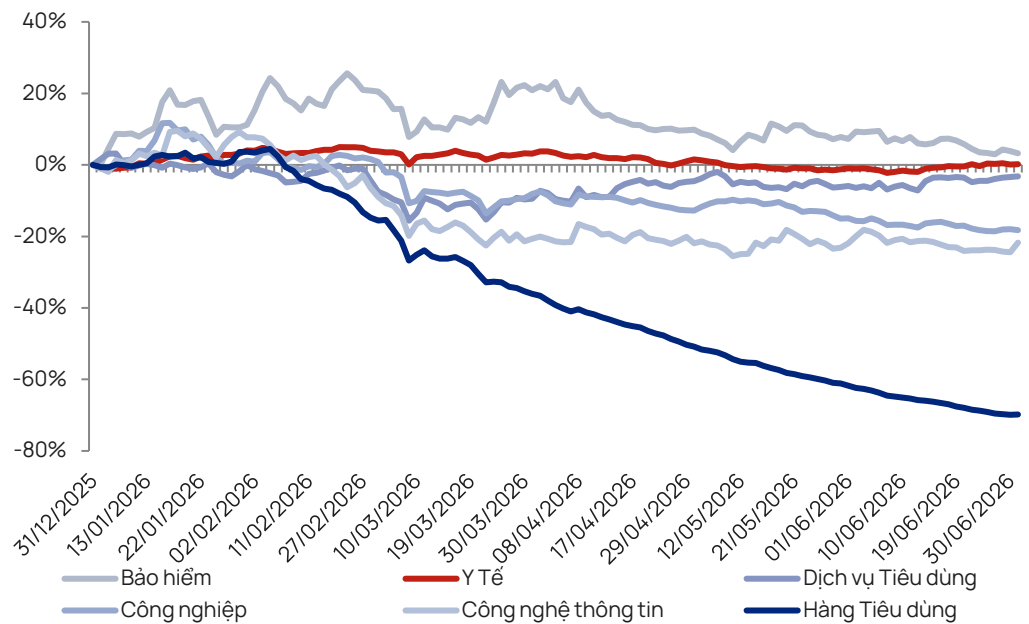
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



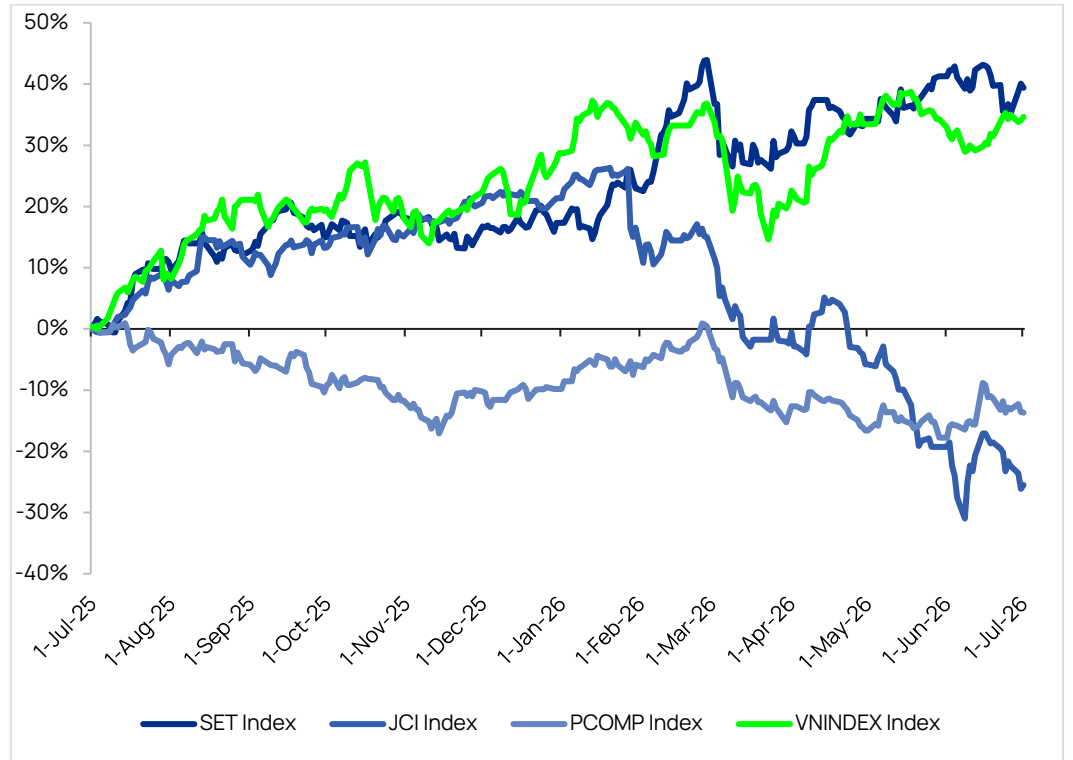
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



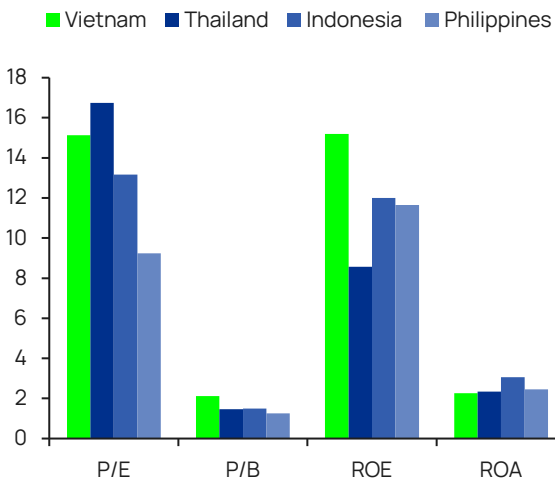
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,7	13,2	9,2	15,1
P/B	1,5	1,5	1,3	2,1
ROE (%)	8,6	12,0	11,6	15,2
ROA (%)	2,3	3,1	2,5	2,3
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	597,0	556,3	143,5	331,1
GTGD trung bình, tr USD	1.523,0	1.171,6	82,2	1.014,3
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	880,8	-4.248,2	-246,2	-2.939,0
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	461,4	(154,3)	(9,0)	(97,3)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,60%	7,13%	6,69%	4,20%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Tử Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516
- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thục, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tổng Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.